

Mẫu số 04

ỦY BAN NHÂN DÂN [1]
[2]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi: **Bộ Nông nghiệp và Môi trường**

Căn cứ quy định tại Luật Đất đai năm 2024, Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về giá đất, Thông tư số 12/2024/TT-BTNMT ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng **Bộ Nông nghiệp và Môi trường** quy định chi tiết về đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho cá nhân hành nghề tư vấn định giá đất; khung chương trình đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về giá đất; căn cứ danh sách định giá viên và việc thay đổi, bổ sung danh sách định giá viên do tổ chức tư vấn xác định giá đất đăng ký, thay đổi, bổ sung, [2] lập danh sách tổ chức tư vấn xác định giá đất, định giá viên (đính kèm).

[2] kính báo cáo **Bộ Nông nghiệp và Môi trường** cho ý kiến.

[2] trân trọng cảm ơn **Bộ Nông nghiệp và Môi trường**./.

ĐẠI DIỆN

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...

Ghi chú:

[1] Tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

[2] Cơ quan có chức năng quản lý nhà nước về đất đai cấp tỉnh.

DANH SÁCH TỔ CHỨC TƯ VẤN XÁC ĐỊNH GIÁ ĐẤT

(kèm theo Công văn số ... ngày ... tháng ... năm ... của [2])

STT	Tên tổ chức tư vấn xác định giá đất	Loại hình (tổ chức/đơn vị sự nghiệp công lập)	Đủ quy định tại điểm a khoản 3 Điều 162 ⁽¹⁾	Năm đăng ký hoạt động kinh doanh dịch vụ xác định giá đất hoặc kinh doanh dịch vụ thẩm định giá	Số lượng cá nhân đã được cấp thẻ định viên về giá trong tổ chức	Tổng số lượng cá nhân đủ điều kiện hành nghề định giá đất trong tổ chức mà đã được đăng ký định giá viên			Tổng số lượng cá nhân trong tổ chức thực hiện đăng ký, thay đổi, bổ sung			
						Số lượng cá nhân được cấp Giấy chứng nhận của Cơ sở đào tạo	Số lượng cá nhân đã được cấp Chứng chỉ định giá đất ⁽²⁾	Số lượng cá nhân được cấp Giấy chứng nhận hoàn thành khóa học ⁽³⁾	Số lượng cá nhân được cấp Giấy chứng nhận của Cơ sở đào tạo	Số lượng cá nhân đã được cấp Chứng chỉ định giá đất ⁽²⁾	Số lượng cá nhân được cấp Giấy chứng nhận hoàn thành khóa học ⁽³⁾	Tổng

(1) Đánh dấu X nếu tổ chức có đăng ký hoạt động kinh doanh dịch vụ xác định giá đất hoặc kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, nếu đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng kinh doanh dịch vụ xác định giá đất hoặc kinh doanh dịch vụ thẩm định giá;

(2) Chứng chỉ định giá đất còn thời hạn và không thuộc trường hợp thu hồi Chứng chỉ định giá đất theo quy định của pháp luật.

(3) Giấy chứng nhận đã hoàn thành khóa học bồi dưỡng về định giá đất theo chương trình bồi dưỡng về định giá đất do **Bộ Nông nghiệp và Môi trường** ban hành mà chưa được cấp Chứng chỉ định giá đất theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 39 Nghị định số 71/2024/NĐ-CP;

DANH SÁCH ĐĂNG KÝ ĐỊNH GIÁ VIÊN

(kèm theo Công văn số... ngày ... tháng ... năm ... của [2])

ST T	H ọ và tên	Số CMN D/ CCC D/ HC/ ĐDC N	Ngày cấp	Nơi cấp	Loại Chứng chỉ/ Giấy chứng nhận ⁽¹⁾			Mã Giấy Chún g nhận/ Số Chún g chỉ định giá đất/ Số Giấy chún g nhận hoàn thàn h khóa học	Tên cơ sở đào tạo, bồi dưỡn g nghiệ p vụ về giá đất	Khó a học	Tên trườn g đào tạo ngàn h/ chuyê n ngàn h	Ngàn h/ chuyê n ngàn h đào tạo	Ngày tốt nghiệ p	Thời gian công tác thực tế theo ngàn h hoặc chuyê n ngàn h đào tạo	Tên tổ chức tư vấn xác địn h giá đất
					Giấy Chún g nhận của Cơ sở đào tạo	Chún g chỉ định giá đất ⁽²⁾	Giấy chún g nhận hoàn thàn h khóa học ⁽³⁾								

(1) Đánh dấu X vào loại Chứng chỉ, Giấy chứng nhận của cá nhân;

(2) Chứng chỉ định giá đất còn thời hạn và không thuộc trường hợp thu hồi Chứng chỉ định giá đất theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 39 Nghị định số 71/2024/NĐ-CP;

(3) Giấy chứng nhận đã hoàn thành khóa học bồi dưỡng về định giá đất theo chương trình bồi dưỡng về định giá đất do **Bộ Nông nghiệp và Môi trường** ban hành mà chưa được cấp Chứng chỉ định giá đất theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 39 Nghị định số 71/2024/NĐ-CP.